TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC NINH** **TỈNH BẮC NINH** *********	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập Tự do Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HNGĐ- ST
Ngày 23 tháng 7 năm 2019
V/v"Chia tài sản chung sau ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

+ *Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà*: Ông Đỗ Thế Bình.

+ *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Viêm Văn Doãn, ông Nguyễn Quốc Trung.

+ *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thu Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

+ *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà*: Bà Hồ Thị Lê- Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/7/2019 tại trụ sở, Toà án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh mở phiên toà sơ thẩm xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 35/2018/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc "*Chia tài sản chung sau ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐST- HNGĐ ngày 20/6/2019 giữa:

+ Nguyên đơn: Anh Ngô Văn T- Sinh năm 1973.

Trú tại: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

+ Bị đơn: Chị Đặng Thị Thu T- Sinh năm 1977.

Trú tại: Phòng 0606A CT5, Chung cư C, phường V, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, ý kiến trình bày ông Ngô Văn T, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Sau thời gian đi lại tìm hiểu ngày 19/12/1999 anh Ngô Văn T và chị Đặng Thị Thu T đi đến quan hệ hôn nhân và được UBND xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh làm thủ tục kết hôn và cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống do đời sống hôn nhân không hạnh phúc, cuối năm 2017 chị T có đơn gửi Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết giao con chung khi ly hôn. Trên cơ sở nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Thu T,

ngày 26/4/2018 Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh mở phiên tòa ra Bản án số: 25/2018/HNGĐ- ST ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị Thi T và anh Ngô Văn T, về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị T và anh Thành với nội dung chị Đặng Thị Thu T nuôi cháu Ngô Văn Vinh, sinh ngày 21/4/2007, anh Ngô Văn T nuôi cháu Ngô Văn Đạt sinh ngày 24/8/2000. Về tài sản chung, công nợ các bên không yêu cầu nên tòa án không giải quyết.

Sau khi bản án sơ thẩm giải quyết ly hôn và giao con chung khi ly hôn giữa chị T và anh Thành có hiệu lực pháp luật, do hai bên không tự thương lượng giải quyết được vấn đề tài sản chung của vợ chồng nên ngày 18/12/2018 anh Ngô Văn T có đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, để nghị tòa án xem xét giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Theo đơn khởi kiện và lời khai của anh T và tại phiên tòa thì: Trong thời kỳ hôn nhân vào tháng 7/2008, anh và chị T có bỏ vốn thành lập Công ty TNHH T T có địa chỉ tại: Đường Tỉnh lộ 271, phường Đ , thị xã T, tỉnh Bắc Ninh (Công ty hiện đang hoạt động và do chị Đặng Thị Thu T đứng tên chủ sở hữu và là người đại diện theo pháp luật) với số vốn bỏ ra thành lập tương ứng với vốn điều lệ của công ty là 1.500.000.000đ. Năm 2013 vợ chồng dành dụm và mua được thửa đất số 99, tờ bản đồ số 16, diện tích 79,4m^2 tại số 13, N, S, thành phố Bắc Ninh với giá hơn 1, 6 tỷ đồng và làm trên đất ngôi nhà cấp 4 để ở, đến tháng 12/2017 vợ chồng có làm thủ tục chuyển nhượng nhà đất tại 13, N, S, thành phố Bắc Ninh có anh Nguyễn Minh N (tức H) với số tiền thực tế chuyển nhượng là 3.930.000.000đ (khi vợ chồng chuyển nhượng nhà đất cho anh N có làm hợp đồng tại Phòng Công chứng Nam Việt nhưng dưới dạng hợp đồng treo chưa ghi tên người nhận chuyển nhượng, sau đó anh N lại thỏa thuận bán lại nhà đất đã mua cho vợ chồng chị Đặng Thị Mỹ D và lúc đó tên người nhận chuyển nhượng trên hợp đồng mới chính thức thể hiện trên hợp đồng là vợ chồng chị D), toàn bộ số tiền bán nhà đất chị T quản lý. Anh T yêu cầu tòa án giải quyết buộc chị T có nghĩa vụ trích trả cho anh ½ số vốn điều lệ mà vợ chồng bỏ ra thành lập Công ty TNHH T T, ½ số tiền có nguồn gốc do bán nhà đất có địa chỉ tại số 13, N, S, thành phố Bắc Ninh tương ứng số tiền là: (1.500.000.000đ + 3.930.000.000đ) : 2 = 2.715.000.000đ. Ngoài yêu cầu chia giá trị 02 tài sản như đã nêu, anh T không yêu cầu chia thêm tài sản gì khác. (Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện anh T cung cấp cho tòa án giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH T T do Phòng đăng ký kinh doanh- Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 29/7/2008, cấp lần thứ 2 ngày năm 2011, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại số 13, N, S, Bắc Ninh của vợ chồng cho anh chị T- D ngày 13/12/2017 lập tại Phòng Công chứng Nam Việt, Giấy xác nhận ngày 14/6/2018 của anh Nguyễn Minh N (tức H) là người đã mua nhà đất của vợ chồng với nội dung xác nhận đã thanh toán tiền mua nhà cho chị T số tiền 3.930.000.000đ.

Chị Đặng Thị Thu T thừa nhận ý kiến trình bày của anh T về quan hệ hôn nhân, tình trạng vợ chồng, thời gian thành lập Công ty TNHH T T, cũng như việc mua, bán nhà đất tại số 13, N, phường S, thành phố Bắc Ninh, người trực tiếp quản lý công ty và quản lý sử dụng tiền có nguồn gốc bán nhà đất tại số 13, N, phường S, thành phố Bắc Ninh như anh T trình bày là đúng. Song theo chị T việc anh T đòi chia đôi 1.500.000.000đ vốn điều lệ của công ty TNHH T T được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty là không thực tế, không có căn cứ vì số vốn này không có thực chỉ ghi trên giấy tờ, số tiền vốn thực bỏ ra khi thành lập Công ty TNHH Thành T chỉ có 70 triệu đồng và nguồn vốn này là do chị nhờ bố mẹ đứng ra dùng tài sản là nhà đất để đảm bảo cho chị vay tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện T do vậy tiền vốn bỏ ra thành lập công ty chỉ có 70 triệu đồng không phải là 1.500.000.000đ, từ khi thành lập công ty đến nay anh T không tham gia điều hành và cũng không có đóng góp công sức, tiền hay tài sản gì đối với công ty, công ty là do một mình chị gây dựng. Đối với số tiền bán ngôi nhà đất tại số 13, N, phường S, thành phố Bắc Ninh chị T trình bày: đầu năm 2013 vợ chồng có vay mượn mua mảnh đất có địa chỉ tại số 13, N, phường S, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh và làm ngôi nhà nhà cấp 4 trên đất để ở, cuối năm 2017 trước khi ly hôn vợ chồng có bán nhà đất cho anh Nguyễn Minh N, tiền bán nhà được bao nhiêu chị không nhớ, song chị T thừa nhận chị là người trực tiếp nhận tiền bán nhà và dùng số tiền bán nhà trả nợ vay cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Bắc Ninh và trả nợ cho những người khác hết, hiện tài sản chung của vợ chồng không còn gì do vậy việc anh T yêu cầu chia tài sản chung là không có căn cứ.

Về công nợ: Anh T và chị T đều khẳng định đến thời điểm hiện nay không nợ ai tiền, hay tài sản.

Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã nhiều lần triệu tập chị T đến làm việc, chị đưa ra nhiều ly do không chấp hành, hoặc có lên làm việc thì thái độ làm việc thiếu hợp tác, nội dung trình bày quanh co, giấu diếm, ví như: "*Khi hỏi bán nhà đất vào năm 2017 cho ai, bán bao nhiêu tiền chị trình bày không nhớ, hỏi tiền bán nhà hiện nay con bao nhiêu tiền chị trình bày đã đem trả nợ Ngân hàng nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh và trả cho những người khác hết; hỏi trả cho ngân hàng bao nhiêu tiền chị trình bày không nhớ...*" Thấy lời trình bày của chị T còn quanh co, thiếu trung thực, thái độ làm việc thiếu hợp tác, ngày 16/5/2019 Tòa án có công văn số 04/2019/CV-TA yêu cầu chị T trình bày rõ các nội dung như: "Chị và anh Thành mua thửa đất số 99, tờ bản đồ số 16, diện tích 79,4m^2 vào thời gian nào, mua của ai, mua bao nhiêu tiền? đến thời gian nào thì xây dựng ngôi nhà cấp 4 trên đất? khi mua đất, làm nhà vợ chồng có bao nhiêu tiền; Có phải vay mượn ai không nếu có vay thì vay của tổ chức, cá nhân nào, địa chỉ cụ thể ở đâu, vay bao nhiêu tiền, vay thời gian nào, đã trả chưa, nếu đã trả thì trả bao nhiêu tiền, trả vào thời gian nào; Đến thời gian nào thì vợ chồng bán nhà, đất tại số 13 N, S, thành phố Bắc Ninh, bán cho ai được bao nhiêu

tiền? tiền bán nhà, đất ai là người nhận? Số tiền này theo như anh T trình bày chị là người quản lý toàn bộ và theo chị trình bày tiến bán nhà đất sau đó được vợ chồng sử dụng để trả tiền Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bắc Ninh vậy trả bao nhiêu tiền, số tiền này hiên nay còn hay, hết, nếu còn thì còn bao nhiêu, do ai đang quản lý; Theo chị trình bày nguồn gốc tiền thành lập Công ty TNHH T T là do bố mẹ chị thế chấp nhà đất để cho chị lấy tiền thành lập công ty. Vậy vay tại tổ chức tín dụng nào, vay thời gian nào, vay bao nhiêu tiền, ai là người đứng vay? hiện đã trả chưa, nếu đã trả thì trả vào thời gian nào. hiện nay Công ty TNHH T T sở làm chủ sở hữu, vốn và tài sản của công ty hiện nay giá trị bao nhiêu", nhưng chị T không trả lời. Để làm rõ sự thật khách quan, quá trình giải quyết vụ án tòa án đã cho các bên đối chất, có văn bản gửi Cục thuế tỉnh Bắc Ninh yêu cầu cung cấp báo cáo tài chính của Công ty TNHH T T trong thời gian gần nhất, có công văn đề nghị Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh cung cấp tài liêu liên quan đến việc vay vốn và trả nợ, đồng thời tiến hành làm việc với chị Đặng Thị Mỹ D là người hiện đang chiếm hữu và sử dụng hợp pháp nhà đất có địa chỉ tại: Số 13, N, S, thành phố Bắc Ninh. Kết quả: Ngày 31/5/2019 Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh có văn trả lời với nội dung "Ngày 14/8/2017 chị T có vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh tỉnh Bắc Ninh số tiền 1,7 tỷ đồng, ngày 20/11/2017 khoản vay đã tất toán và ngân hàng đã thu của chị T 1,7 tỷ đồng tiền gốc và 28.231.367 đồng tiền lãi (tổng thu 1.728.231.367 đồng); Ngày 4/6/2019 Cục thuế thị xã T có Công văn số: 524/CCT- KTr trả lời và gửi kèm bản sao Báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh năm 2018 của Công ty TNHH T T, tại Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh do Công ty TNHH T T lập và báo cáo với Chi cục thuế T tại phần vốn chủ sở hữu (tên mã tài khoản 411) là 1.500.000.000đ. Làm việc với chị Đặng Thị Mỹ D người đứng tên nhận chuyễn nhượng tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất có địa chỉ số 13, N, S thành phố Bắc Ninh chị Đặng Thị Mỹ D cho biết chị mua lại nhà đất tại số13, N, phường S, thành phố Bắc Ninh của anh Nguyễn Minh N với số tiền thỏa thuận mua là 4.050.000.000đ, nguồn gốc nhà đất trước khi anh N chuyển nhượng cho vợ chồng chị là của vợ chồng anh T, chị T, vợ chồng anh T- T chuyển nhượng cho anh N, sau đó anh N lại thỏa thuận chuyển nhượng lại cho vợ chồng chị, do vào thời điểm vợ chồng anh T T chuyển nhượng đất, nhà cho anh N hai bên chưa làm hợp đồng và sang tên nhà đất theo quy định của pháp luật nên khi vợ chồng chị thỏa thuận mua lại nhà đất của anh N thì về thủ tục pháp lý và giấy tờ mua bán thể hiện trên hợp đồng chuyển nhượng ghi tên vợ chồng, anh T T chuyển nhượng thẳng cho vợ chồng chị.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 20/6/2019 anh Ngô Văn T chấp nhận trừ đi số tiền 1.728. 231.367 đồng đã trả

nợ vay cho ngân hàng và thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu tòa án chia tài sản chung của vợ là số tiền bán nhà tại: Số 13, Nguyễn Quang Ca, Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh sau khi trừ đi số tiền đã trả nợ vay tại Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh tỉnh Bắc Ninh 1.728.231.367 đồng còn 2.201.768.633 đồng và số vốn điều lệ của Công ty TNHH T T là 1.500.000.000đ, buộc chị T có trách nhiệm trích trả cho anh ½ tài sản, tương ứng số tiền là (2.201.768.633 + 1.500.000.000đ) : 2 = 1.850.884.316 đồng.

Tại phiên tòa anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Đặng Thị Thu T có nghĩa vụ trích trả cho anh ½ giá trị tài sản chung vợ chồng tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân tương ứng số tiền 1.850.884.316 đồng.

Chị Đặng Thị Thu T không nhất trí với yêu cầu khởi kiện, đề nghị tòa án bác yêu cầu khởi kiện của anh T với căn cứ: Số tiền 1.500.000.000 đồng vốn điều lệ của Công ty trách nhiệm hữu hạn T T là do một mình chị gây dựng thành lập và đứng ra điều hành quản lý, anh T không có đóng góp công sức ,tiền của gì; Tiền bán nhà đất tại số 13, N, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh như anh T trình bày bán giá 3.930.000.000đ là không đúng, theo hợp đồng chỉ bán giá 200.000.000đ và số tiền này chị đã đem trả nợ vay cho Ngân hàng nông nghiệp và triển nông thôn Việt Nam-Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh và khi trả nợ, tiền bán được nhà đất không đủ chị phải bù tiền vào để trả đủ nợ vay cho ngân hàng.

Cũng tại phiên tòa sau khi đánh giá việc chấp hành, thực hiện pháp luật của Thẩm phán, các thành viên hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành và thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự là đảm bảo, đúng pháp luật. Về nội dung Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Văn T, buộc chị Đặng Thị Thu T có nghĩa vụ trích trả cho anh Ngô Văn T giá trị tài sản chung của vợ chồng tương ứng số tiền 1.850.884.316 đồng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết hợp với kết quả thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi xem xét quan điểm của kiểm sát viên, ý kiến trình bày và đề nghị của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

+ Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Văn T, sau khi xem xét, đối chiếu quy định của pháp luật về thẩm quyền xét xử của tòa án nhân dân. Hội đồng xét xử nhận thấy, quan hệ tranh chấp giữa các bên là tranh chấp "*Chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn*", căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Ngô Văn T, bị đơn là chị Đặng Thị Thu T đều thống nhất trình bày

trong thời kỳ hôn nhân, năm 2008 thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành T có địa chỉ tại: Đường Tỉnh lộ 271, Đồng kỵ , Từ Sơn, Bắc Ninh (Công ty hiện do chị T đứng tên chủ sở hữu, là người đại diện theo pháp luật và là người trực tiếp quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh), năm 2013 mua thửa đất số 99, tờ bản đồ số 16, diện tích 79,4m^2 tại số 13, Nguyễn Quang Ca, Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh và làm trên đất ngôi nhà cấp 4 để ở, đến tháng 12/2017 vợ chồng có làm thủ tục chuyển nhượng nhà, đất cho người khác, số tiền chuyển được chị T nhận và quản lý. Những tình tiết, sự kiện đã nêu được các bên đương sự thừa nhận. do vậy đây là những tình tiết, sự kiện có thật, được hình thành trong thời kỳ hôn nhân và không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 BLTTDS. Tuy nhiên quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa chị T trình bày việc anh Thành cho rằng số tiền 1.500.000.000 đồng vốn điều lệ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là không có thật, từ khi thành lập Công ty TNHH Thành T đến nay anh Thành không có đóng góp tiền của công sức gì; Đối với số tiền có nguồn gốc bán nhà đất tại số 13, Nguyễn Quang Ca, Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh chị T thừa nhận vào cuối năm 2017 vợ chồng có chuyển nhượng nhà đất cho vợ chồng chị Dung, tiền bán được nhà đất do chị nhận và quản lý nhưng theo hợp đồng tiền chuyển nhượng nhà đất chỉ có 200.000.000 đồng không phải là 3.930.000.000 đồng như anh Thành nêu và số tiền bán được nhà, đất chị đã sử dụng trả nợ vay tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh hết. Xét ý kiến trình bày và những lập luận chị T đưa ra và đề nghị tòa án bác yêu cầu khởi kiện của anh Thành thấy: Công ty TNHH Thành T do chị Đăng Thị Thu T đứng ra thành lập và là người trực tiếp quản lý điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, được Phòng đăng ký kinh doanh- Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 29/7/2008, quá trình sản xuất kinh doanh công ty 02 lần thay đổi đăng ký kinh doanh, lần gần đây nhất vào ngày 03/8/2011. Tuy công ty có sự thay đổi đăng ký kinh doanh, song loại hình công ty và chủ sở hữu công ty không thay đổi, công ty vẫn thuộc loại hình Công ty TNHH 01 thành viên, đứng tên một chủ sở hữu là chị Đặng Thị Thu T, hiện công ty đang hoạt động và do chị T trực tiếp quản lý điều hành, hàng tháng, hàng quý và hàng năm công ty đều thực hiện chế độ kê khai thuế và báo cáo đầy đủ tình hình sản xuất, kinh doanh với cơ quan thuế (Chi cục thuế thị xã Từ Sơn), theo Báo cáo tình sản xuất kinh doanh ngày 31/12/2018 của Công ty TNHH Thành T do Chi cục thuế thị xã Từ Sơn cung cấp thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty ổn định. Ngoài bảo toàn vốn, hoạt động sản xuất kinh doanh còn không ngừng phát triển, giá trị tài sản của công ty ngày một tăng, điều này thể hiện rõ trên báo cáo tài chính của công ty báo cáo với cơ quan thuế, theo báo cáo tài

chính về nguồn vốn chủ sở hữu là 1.500.000.000 đồng. Xét việc thành lập Công ty TNHH Thành T được thành lập trong thời kỳ hôn nhân, số vốn vợ chồng bỏ ra khi thành lập công ty tương ứng với số vốn điều lệ công ty, quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh công ty không những bảo toàn được vốn mà còn không ngừng phát triển, hiện tài sản, giá trị của công ty lớn hơn so với giá trị anh Thành yêu cầu chia, song anh Thành chỉ yêu cầu chia phần vốn ban đầu vợ chồng bỏ ra thành lập công ty là vốn điều lệ của công ty mà không yêu cầu chia toàn bộ giá trị của Công ty TNHH Thành T xuất phát từ quyền "Tự định đoạt" cần tôn trọng, việc anh Ngô Văn T xác định và yêu cầu chị T có nghĩa vụ trích trả cho anh ½ số vốn điều lệ của Công ty TNHH Thành T tương ứng số tiền số tiền (1.500.000.000 : 2) = 750.000.000đồng là có căn cứ và phù hợp với công sức đóng góp, thực trạng quản lý tài sản và điều kiện công việc của các bên.

Đối với số tiền có nguồn gốc bán nhà đất tại số 13, Nguyễn Quang Ca, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa chị T thừa nhận tiền bán nhà đất do chị nhận, song theo chị tiền bán nhà chỉ có 200.000.000đ không phải 3.930.000.000đ như anh Thành nêu và số tiền này chị đã sử dụng trả nợ vay tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh tỉnh Bắc Ninh hết. Tuy nhiên căn cứ vào các chứng cứ tài liệu do anh Thành cung cấp như: Giấy xác nhận của anh Nguyễn Minh Nam là người trực tiếp mua nhà đất của vợ chồng, nội dung tin nhắn trên mạng giữa anh Thành và chị T, kết quả xác minh tại Ngân hàng nông nghiệp, phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh và nội dung biên bản làm việc với chị Đặng Thị Mỹ Dung người mua lại nhà đất của anh Nguyễn Minh Nam tại các BL: 74, 105, 190, 195, thì việc chị T nêu tiền bán nhà đất tại số 13, Nguyễn Quang Ca, Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh với giá 200.000.000đ và đã dùng số tiền bán nhà trả hết nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh là không đúng sự thật, anh Thành trình bày số tiền bán nhà đất còn lại hiện chị T đang quản lý là 2.201.768.633 đồng và yêu cầu chị T có nghĩa vụ trích trả cho anh ½ số tiền là thỏa đáng có căn cần chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định như đã nêu thấy: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung anh Ngô Văn T, xác định khối tài sản chung của vợ chồng tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân và anh Thành yêu cầu tòa án giải quyết có tổng giá trị là 3.701.768.633 đồng (trong đó có 1.500.000.000 đồng là vốn góp thành lập Công ty TNHH Thành T và 2.201.768.633 đồng là số tiền còn lại do bán nhà đất tại số 13, Nguyễn Quang Ca, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh). Căn cứ vào tình hình thực tế người trực tiếp quản lý, khai thác, tài sản, nghề nghiệp và công việc của các bên thấy cần giao cho chị Đặng Thị Thu T được toàn quyền sở hữu và quản lý Công ty TNHH Thành T, chị T phải có nghĩa vụ trích trả cho anh Ngô Văn T tổng số tiền

là: (1.500.000đ + 2.201.768.633) : 2 = 1.850.884.316 đồng. Chị T được nhận tài sản giá trị tương ứng 1.850.884.316 đồng.

Về án phí: Chị T, anh Thành phải chịu án phí chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Liên quan trong vụ án này quá trình chuẩn bị xét xử chị T trình bày trong thời kỳ hôn nhân chị và anh Thành có bỏ tiền xây dựng cải tạo lại nhà ở, xây mới bếp, công trình phụ trên đất có nguồn gốc của bố mẹ cho anh Thành có địa chỉ tại Tân Chi, Tiên Du, Bắc Ninh và mua sắm một số đồ dùng phục vụ cho việc thờ cúng và nhu cầu sinh hoạt chung của gia đình. Xét yêu cầu của chị T có liên quan đến việc giải quyết vụ án và tòa án đã có văn bản hướng dẫn chị T làm đơn và thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí song chị T không thực hiện. Do vậy yêu cầu này của chị T, tòa án không đặt ra giải quyết, sau này nếu các bên có yêu cầu chia mà không tự thương lượng giải quyết được thì một trong các bên có quyền làm đơn khởi kiện vụ án chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản Điều 33, Điều 59 và Điều 64 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, 144, 146, 147, 235, 264, 266, 267, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Văn T.

Xác định phần tài sản chung của anh Thành, chị T tạo lập được trong thời ky hôn nhân và anh Thành yêu cầu chia sau khi ly hôn có tổng giá trị là 3.701.768.633đ, trong đó có: 1.500.000.000đ là vốn thành lập Công ty TNHH Thành T và 2.201.768.633đ là tiền có nguồn gốc từ chuyển nhượng nhà đất tại số 13, Nguyễn Quang Ca, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh (tiền này hiện chị T là người quản lý). Giao cho Đặng Thị Thu T được toàn quyền sở hữu và quản lý Công ty TNHH Thành T, chị T phải có nghĩa vụ trích trả cho anh Ngô Văn T ½ tổng giá trị tài sản tương ứng số tiền là: (1.500.000.000đ + 2.201.768.633đ) : 2 = 1.850.884.316 đồng. Phần tài sản còn lại chị T được nhận tương ứng số tiền là 1.850.884. 316 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

* *Về án phí*: Anh Ngô Văn T và chị Đặng Thị Thu T mỗi người phải chịu 39.152.652 đồng án phí chia tài sản chung sơ thẩm. Xác nhận anh Thành đã nộp 28.357.500 đồng theo Biên thu tiền tạm ứng án phí ngày 12/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh, anh Thành còn phải nộp số tiền án phí còn lại là 10.759.152 đồng.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Đỗ Thế Bình

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BN;
- VKSND thành phố Bắc Ninh;
- Chi cục THADS TP Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP